TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GIỒNG RIỀNG** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 07 - 6 - 2019
V/v: "*Tranh chấp hôn nhân và gia đình - ly hôn, nuôi con*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG RIỀNG, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Dương Văn Hôm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Chí Bền

2. Ông Huỳnh Hoàng Nam

- Thư ký phiên toà: Bà Võ Thị Mỹ Nhan – Thư ký Toà án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Không tham gia phiên tòa.

Ngày 07 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 122/2019/TLST - HNGĐ, ngày 18 tháng 3 năm 2019 về tranh chấp hôn nhân và gia đình - ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 5 năm 2019. Giữa:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Kim Y, sinh năm: 1993; địa chỉ cư trú: Ấp Vĩnh Thanh, xã Vĩnh Thạnh, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang (có mặt)

2. Bị đơn: Anh Bùi Thanh T, sinh năm: 1991; địa chỉ cư trú: Ấp Thạnh Trung, xã Thạnh Hưng, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện đề ngày 10/9/2018 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kim Y trình bày:

Chị và anh Bùi Thanh T tự tìm hiểu quen biết nhau, được cha mẹ hai bên đồng ý tổ chức lễ cưới vào năm 2012 nhưng đến nay không đăng ký kết hôn.

Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng về sau thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tánh tình không hợp, anh T thường xuyên ăn chơi, không lo làm ăn, không có trách nhiệm với gia đình. Anh, chị đã sống ly thân từ tháng 6 năm 2017 đến nay.

Trong quá trình chung sống chị và anh T có một con chung tên Bùi Nguyễn, sinh ngày: 03/01/2013, hiện con do chị Yến nuôi dưỡng.

Về tài sản, nợ chung: Không có.

Nay chị Y khởi kiện yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết cho chị được ly hôn với anh T. Về con chung: Chị Y yêu cầu được quyền nuôi dưỡng con, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản, nợ chung: Không có.

Anh T đã được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án nhưng hết thời gian quy định vẫn không gửi văn bản nêu ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tòa án đã triệu tập anh T đến tham dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải đến lần thứ hai và triệu tập đến tham dự phiên tòa đến lần thứ hai nhưng anh T vẫn vắng mặt, không rõ lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Chị Y khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh T nên đây là "Tranh chấp về hôn nhân và gia đình – xin ly hôn" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Anh T là bị đơn trong vụ án có nơi cư trú tại huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

Anh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử vắng mặt anh T theo quy định tại điểm b khoản 02 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

- Xét về hôn nhân: Chị Y và anh T chung sống với nhau vào năm 2012, có tổ chức lệ cưới nhưng đến nay không đăng ký kết hôn là vi phạm khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình, nên Tòa án không công nhận anh, chị là vợ chồng.

- Về con chung: Hiện nay dưới sự chăm sóc, giáo dục của chị Y cháu Nguyễn đang sinh sống ổn định và phát triển bình thường. Chị Y cũng có đủ điều

kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Xét thấy yêu cầu được tiếp tục nuôi con của chị Y là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Chị Y không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Tòa án không giải quyết. Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về tài sản và nợ chung: Không có.

Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Y yêu cầu xin ly hôn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số 0007558 ngày 18/3/2019 của Chi Cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Khoản 01 Điều 9, khoản 2 Điều 81, Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận chị Nguyễn Thị Kim Y và anh Bùi Thanh T là vợ chồng.

2. Về nuôi con: Giao con Bùi Nguyễn, sinh ngày: 03/01/2013 cho chị Nguyễn Thị Kim Y tiếp tục nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành *(Trừ trường hợp thay đổi quyền nuôi con theo quy định của pháp luật)*.

Anh Bùi Thanh T có quyền đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Y không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

3. Về tài sản và nợ chung: Không có.

4. Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn chị Y phải nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Y đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0007558 ngày 18/3/2019 của Chi Cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 07/6/2019, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Chi cục THA dân sự huyện;
- UBND xã;
- Các đương sự;
- Lưu.